

Dự thảo ngày
18/6/2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 324/2016/TT-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC:

1. Bổ sung nội dung Khoản 3 Điều 4 như sau:

“Trường hợp nội dung kinh tế khoản thu, chi ngân sách không được chi tiết theo Tiêu mục thì hạch toán vào Tiêu mục khác thuộc Mục tương ứng.”

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Mã số hóa nội dung phân loại

Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia được mã số hóa theo 5 ký tự, được bố trí như sau: NX1X2X3X4

Trong đó:

a) N là ký tự theo dõi chi tiết nguồn kinh phí của chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia. Cụ thể:

+ N = 1 phản ánh nguồn vốn ngân sách trung ương (bao gồm cả ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương).

+ N = 2 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp tỉnh.

+ N = 3 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp huyện.

+ N = 4 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp xã.

b) X1X2X3X4 là ký tự sau theo dõi các Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia và các tiểu chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, cách thức bố trí như sau:

- Đối với các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia do Trung ương quyết định: Sử dụng các mã số có giá trị từ 0001 đến 4999; khoảng cách giữa các chương trình, mục tiêu là 20 giá trị. Riêng Chương trình khoa học trọng điểm cấp Nhà nước (Mã số 0210) có 40 giá trị. Đối với 21 Chương trình mục tiêu ban hành theo Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015; chương trình, mục tiêu xử lý chất độc da cam Dioxin; hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ là 10 giá trị.

- Đối với các chương trình, mục tiêu do địa phương quyết định: Sử dụng các mã số có giá trị từ 5000 đến 9989; khoảng cách giữa các chương trình, mục tiêu là 10 giá trị. Đối với các địa phương có nhu cầu quản lý, hạch toán riêng các chương trình mục tiêu do địa phương quyết định ban hành: Sở Tài chính có văn bản đề xuất cụ thể (kèm theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chương trình mục tiêu của địa phương) gửi Bộ Tài chính (Kho bạc nhà nước) để xác định mã số cụ thể và thông báo gửi địa phương thực hiện.”

Ví dụ: Chương trình mục tiêu quốc gia “Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo”, được bố trí các phần vốn cụ thể:

Đối với phần vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương: phản ánh bằng mã 10472.

Đối với phần vốn của ngân sách cấp tỉnh: phản ánh bằng mã 20472

Đối với phần vốn của ngân sách cấp huyện: phản ánh bằng mã 30472

Đối với phần vốn của ngân sách cấp xã: phản ánh bằng mã 40472

3. Sửa đổi, bổ sung Mã Chương quy định tại Phụ lục I như sau:

- Sửa tên Chương 184 “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam” thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”;

- Bổ sung Chương 208 “Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam”.

4. Sửa đổi, bổ sung Mã Khoản quy định tại Phụ lục II như sau:

Bổ sung Khoản 315 “Chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” thuộc Loại 280 “Các hoạt động kinh tế”.

5. Sửa đổi, bổ sung Mã Tiểu mục quy định tại Phụ lục III như sau:

- Bổ sung Tiểu mục 1058 “Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu” thuộc Mục 1050 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Sửa tên mục và bổ sung tiểu mục thuộc Mục 1250 “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển”

+ Sửa tên Mục 1250 “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển” thành “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên”

+ Bổ sung Tiểu mục 1259 “Thu tiền đầu giá biển số xe ô tô”

+ Bổ sung Tiểu mục 1561 “Thu tiền cấp quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh”

- Sửa tên Tiểu mục 1413 “Thu tiền sử dụng đất các dự án trọng điểm khác” thành “Thu tiền sử dụng đất các dự án quan trọng quốc gia khác” thuộc Mục 1400 “Thu tiền sử dụng đất”.

- Sửa tên và bổ sung tiểu mục thuộc Mục 2600 “Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường”.

+ Sửa tên Tiểu mục 2618 “Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải” thành “Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải”

+ Bổ sung Tiểu mục 2622 “Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải”.

- Sửa tên Tiểu mục 3613 “Tiền thuê đất các dự án trọng điểm khác” thành “Tiền thuê đất các dự án quan trọng quốc gia khác” thuộc Mục 3600 “Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước”.

- Sửa tên và bổ sung các Tiểu mục thuộc Mục 3650 “Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế” như sau:

+ Sửa tên Tiểu mục 3653 “Thu hồi vốn của Nhà nước” thành “Thu hồi vốn của Nhà nước từ cổ phần hóa”.

+ Bổ sung Tiểu mục 3655 “Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước”.

+ Bổ sung Tiểu mục 3656 “Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác”.

- Sửa tên mục và tiểu mục thuộc Mục 4700 “Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách” như sau:

+ Sửa tên Mục 4700 “Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách” thành “Thu từ các khoản chuyển giao giữa các cấp ngân sách”.

+ Sửa tên Tiểu mục 4701 “Các khoản hoàn trả phát sinh trong niên độ ngân sách” thành “Các khoản chuyển giao phát sinh trong niên độ ngân sách”.

+ Sửa tên Tiểu mục 4702 “Các khoản hoàn trả phát sinh ngoài niên độ ngân sách năm trước” thành “Các khoản chuyển giao phát sinh niên độ ngân sách năm trước”.

+ Sửa tên Tiểu mục 4703 “Thu từ khoản ngân sách cấp khác chi hoàn trả các khoản điều tiết sai các năm trước” thành “Các khoản chuyển giao phát sinh niên độ ngân sách các năm trước”.

- Bổ sung Tiểu mục 6619 “Thông tin đối ngoại” thuộc Mục 6600 “Thông tin, tuyên truyền, liên lạc”.

- Sửa tên mục và tiểu mục thuộc Mục 7700 “Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách” như sau:

+ Sửa tên Mục 7700 “Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách” thành “Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách”.

+ Sửa tên Tiểu mục 7701 “Chi hoàn trả các khoản phát sinh trong niên độ ngân sách” thành “Chi chuyển giao các khoản phát sinh trong niên độ ngân sách”.

+ Sửa tên Tiểu mục 7702 “Chi hoàn trả các khoản phát sinh niên độ ngân sách năm trước” thành “Chi chuyển giao các khoản phát sinh niên độ ngân sách năm trước”.

+ Sửa tên Tiểu mục 7703 “Chi hoàn trả các khoản thu đã điều tiết sai các năm trước” thành “Chi chuyển giao các khoản phát sinh niên độ ngân sách các năm trước”.

- Sửa tên và hủy bỏ các Tiểu mục thuộc Mục 8900 “Hỗ trợ hoạt động tín dụng Nhà nước”.

+ Sửa tên Tiểu mục 8901 “Cấp bù chênh lệch lãi suất” thành “Cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý”.

+ Hủy bỏ Tiểu mục 8902 “Cấp phí quản lý”.

6. Bổ sung mã số Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Phụ lục IV như sau:

Bổ sung mã số tiểu chương trình mục tiêu 0969 “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030” thuộc Mã số Chương trình mục tiêu 0950 “Các chương trình, mục tiêu, dự án khác”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng từ năm ngân sách 2025 (bao gồm cả dự toán được chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đối với số liệu dự toán, chi NSNN từ năm ngân sách 2024 trở về trước sử dụng mã số Chương trình mục tiêu và dự án quốc gia, không phải điều chỉnh

số dự toán, số chi NSNN sang mã số Chương trình mục tiêu và dự án quốc gia ban hành tại Thông tư này.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Khăng